

Bản án số: **67 /2019/KDTM-PT**

Ngày: 24/6/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng bảo
lãnh*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Thành

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thành Vân- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/6/2019, ngày 18/6/2019 và ngày 24/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2019/TLPT-KDTM ngày 09/01/2019 về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/ KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ , thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP CT

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ trụ sở: Số 108 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Thành L, bà Trần Thùy L, bà Đỗ Thị Hải N, bà Đỗ Thị Thanh H, bà Vũ Thị Thùy L và ông Nguyễn Xuân T (theo văn bản ủy quyền số 896/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 16/11/2018).

Bị đơn: Công ty TNHH KT

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Thùy T - Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Số 9 ngõ 4 QT, phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Hộ gia đình ông Hoàng Văn T gồm: Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Kim O, chị Hoàng Lan P, anh Hoàng Minh N, anh Hoàng Minh T.

Cùng trú tại: Số 60 đường XD, tổ 30 cụm 4 phường TL, quận TH, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Kim O, chị Hoàng Lan P, anh Hoàng Minh N, anh Hoàng Minh T ủy quyền cho ông Hoàng Văn T tham gia Tổ tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2018).

+ Chị Đỗ Thanh L và anh Nguyễn Kỳ A

Cùng trú tại: Số 21 phố HM, phường HM, quận HK, Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thanh H

Cùng trú tại: Số 40 phố HB, quận HK, Hà Nội

+ Bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1949 (ông T đã chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T là: Chị Nguyễn Thu O và anh Nguyễn Thanh T là con ông T và bà Nguyễn Thị T.

Cùng trú tại: Số 265 phố Bồ Đề, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thu Oanh, chị Đỗ Thanh H, chị Đỗ Thanh L và anh Nguyễn Kỳ A là anh Nguyễn Thanh T (theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018).

+ Trung tâm dịch vụ MB khu vực 1 (nay là Công ty dịch vụ MB khu vực 1).

Địa chỉ: Số 5/82 DT, phường DVH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Giang N (theo văn bản ủy quyền số 393/MB 1-TCHC ngày 04/6/2018).

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP CT (gọi tắt là Ngân hàng CT) trình bày:

Ngày 08/2/2013 và ngày 02/3/2013 Ngân hàng CT, chi nhánh NTL và Công ty TNHH KT (gọi tắt là Công ty KM) ký 4 hợp đồng cấp bảo lãnh với nội dung: Ngân hàng TMCP CT bảo lãnh thanh toán cho các đơn đặt hàng của Công ty TNHH KT theo hợp đồng đại lý chiết khấu thương mại số 602/HĐ ĐL-VMS1/2013 ký ngày 02/3/2013 giữa Trung tâm thông tin khu vực 1- Công ty

thông tin di động và Công ty TNHH KT ; tổng số thư bảo lãnh là 13 thư; tổng trị giá là 26.000.000.000 đồng, phí bảo lãnh là 2% /năm, phí bảo lãnh thanh toán 1 lần vào thời điểm phát hành bảo lãnh, cụ thể như sau:

+ Ngày 08/2/2013 ký ba hợp đồng bảo lãnh gồm: hợp đồng cấp bảo lãnh số 13.093.0001/HĐBL, số 13.093.0002/HĐBL, số 13.093.0003/HĐBL; mỗi hợp đồng cấp 01 thư bảo lãnh, trị giá bảo lãnh là 2.000.000.000 đồng/thư bảo lãnh, thời hạn từ ngày 08/2/2013 đến hết ngày 07/8/2013. Ngày 26/7/2013 hai bên ký văn bản sửa đổi thỏa thuận ba bảo lãnh trên kéo dài thời hạn đến hết ngày 07/11/2013.

+ Ngày 02/3/2013 ký hợp đồng cấp bảo lãnh số 13.093.0004/HĐBL, cấp 10 thư bảo lãnh, trị giá bảo lãnh là 2.000.000.000 đồng/thư bảo lãnh, thời hạn từ ngày 02/3/2013 đến hết ngày 01/6/2013. Ngày 23/5/2013, 10 bảo lãnh trên được hai bên ký văn bản thỏa thuận kéo dài thời hạn đến hết ngày 01/9/2013; ngày 06/8/2013 tiếp tục sửa đổi kéo dài thời hạn hiệu lực đến hết ngày 31/12/2013.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty KM , là các tài sản thế chấp sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập năm 1956 tại số 45 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC741887 do UBND quận HK cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thạch ngày 25/1/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0025/HĐTC kí ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL , được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 10 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 45 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 223412 do UBND quận HK cấp cho bà Đỗ Thanh L ngày 25/1/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0026/HĐTC ký ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL , được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 12 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 41+43 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 693577 do UBND quận HK cấp cho ông

Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thanh H ngày 14/4/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0024/HĐTC ký ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT, chi nhánh NTL, được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 11 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1160301 do UBND quận TH cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O ngày 16/8/2012 theo hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC kí ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 129 ngày 27/2/2013.

Phân chia theo tỷ lệ của từng tài sản đối với dư nợ gốc tại thời điểm ban đầu như sau:

Tài sản 1(nhà ông T): $20.000.000.000 \text{ đồng} / 26.427.000.000 \text{ đồng} = 75,68 \%$

Tài sản 2: $978.600.000 \text{ đồng} / 26.427.000.000 \text{ đồng} = 3,70\%$

Tài sản 3: $4.551.000.000 \text{ đồng} / 26.427.000.000 \text{ đồng} = 17,22\%$

Tài sản 4: $898.000.000 \text{ đồng} / 26.427.000.000 \text{ đồng} = 3,4\%$

Sau khi ký hợp đồng, ngày 10/10/2013 Ngân hàng nhận được công văn số 2322/CV/TT1-KTTKTC của Trung tâm thông tin di động khu vực 1, yêu cầu Ngân hàng thực hiện cam kết bảo lãnh do Công ty TNHH KT vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 11/10/2013 Công ty TNHH KT đã gửi công văn đề nghị Ngân hàng TMCP CT thanh toán trả tiền cho Trung tâm di động thay Công ty TNHH KT và cam đoan thực hiện các nghĩa vụ cam kết đối với Ngân hàng.

Sau đó, Ngân hàng đã thanh toán trả Trung tâm di động khu vực I toàn bộ số tiền Công ty TNHH KT (gọi tắt là Công ty KM) nợ Trung tâm thông tin di động, tổng số là 13 thư bảo lãnh có tổng trị giá là 25.995.060.000 đồng;

Vào các ngày 01, ngày 11, ngày 29/11/2013 Đại diện Công ty TNHH KT đã làm thủ tục nhận nợ bắt buộc với Ngân hàng TMCP CT Việt Nam, chi nhánh NTL với nội dung Công ty TNHH KT nhận nợ bắt buộc tổng số tiền là 25.995.060.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 01/3/2014. Tuy nhiên từ sau khi hoàn tất thủ tục thanh toán cho Trung tâm di động xong, Công ty TNHH KT mới chỉ thanh toán trả Ngân hàng TMCP CT một số tiền nhỏ sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền cho ngân hàng theo cam kết trong hợp đồng bảo lãnh hai bên đã ký kết.

Tính đến ngày 01/6/2018, Công ty TNHH KT đã trả 198.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền bên thứ 3 (gia đình ông Nguyễn Thanh T) đã nộp được số tiền

gốc là 6.427.600.000 đồng và số tiền lãi đã nộp là 672.400.000 đồng. Ngân hàng đã xuất trả 03 tài sản đảm bảo cho khoản dư nợ tại Ngân hàng cho gia đình ông Tú theo đúng quy định. Do vậy, Ngân hàng xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông Tú.

Tạm tính đến ngày 11/7/2018, Công ty TNHH KT còn nợ Ngân hàng TMCP CT tổng số tiền là 35.373.597.266 đồng, trong đó: gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng ; lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng và số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng giải chấp là 1.402.251.287 đồng.

Ngân hàng TMCP CT Việt Nam khởi kiện Công ty TNHH KT ra Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH KT phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng cấp bảo lãnh số 13.093.0001; 13.093.0002; 13.093.0003/HĐBL ngày 8/2/2013, 13.093.0004/HĐBL ngày 2/3/2013; và các giấy nhận nợ bắt buộc số 01 ngày 01/11/2013; số 02 ngày 02/11/2013; số 03 ngày 29/11/2013. Trường hợp Công ty TNHH KT không thanh toán tiền trả Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1160301 do UBND quận TH cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O ngày 16/8/2012 theo hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC ký ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 129 ngày 27/2/2013 để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn là Công ty TNHH KT (Công ty KM) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tại bản khai ngày 22/12/2014 (sơ thẩm lần 1) Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH KT thừa nhận Công ty TNHH KT ký hợp đồng bảo lãnh thanh toán với Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL để đảm bảo cho việc kinh doanh mua thẻ cào tại Trung tâm di động khu vực 1. Đến tháng 9/2013 do việc làm ăn của Công ty gặp nhiều khó khăn nên Công ty chưa thu hồi được công nợ; Ngân hàng đã đứng ra thanh toán trực tiếp cho Trung tâm thông tin di động khu vực I số tiền mà Công ty TNHH KT còn nợ là 25.995.060.000 đồng. Tháng 11/2013 Công ty đã ký giấy nhận nợ với Ngân hàng nhận toàn bộ số tiền nợ trên, thời hạn thanh toán là 01/3/2014, lãi suất vay là 15%/năm.

Tài sản đảm bảo cho Ngân hàng tại thời điểm Công ty ký hợp đồng với Ngân hàng gồm 04 tài sản trên như Ngân hàng trình bày là đúng.

Thời gian qua, Công ty mới chuyển vào Ngân hàng để trả 700.000.000 đồng, do việc làm ăn và thu hồi nợ của Công ty gặp nhiều khó khăn. Quá trình giải quyết

vụ án; đại diện Công ty đề nghị Ngân hàng chấp thuận cho Công ty được trả lãi suất hàng tháng từ đầu tháng 8/2014, đến 31/12/2014 Công ty sẽ tất toán toàn bộ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

+ Ông Hoàng Văn T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Bà O , chị Phương, anh Ngọc, anh Tân) trình bày:

Ông thừa nhận chữ ký và dấu vân tay ở hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC ký ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm là đúng của vợ chồng con cái ông, sau khi lấy được chữ ký của gia đình ông thì Ngân hàng và Công chứng đã tự hoàn thành hợp đồng công chứng, nhưng lời chứng của Công chứng viên ngày 25/2/2013 ông T không công nhận vì ngày 25/2/2013 gia đình ông không có ai làm việc với Công chứng. Gia đình ông không ai đi làm giao dịch bảo đảm tại quận TH nhưng chữ ký trong giao dịch đảm bảo là đúng chữ ký của vợ chồng ông, gia đình ông không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Biên bản xác minh định giá tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng ngày 22/2/2013 cũng đúng chữ ký của vợ chồng ông, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 25/2/2013 mà vợ chồng ông T ký đúng là chữ ký của vợ chồng ông.

Hiện nay tài sản thế chấp do gia đình ông quản lý toàn bộ, không cho ai thuê , mượn. Trên tài sản thế chấp gồm có ông T , vợ ông và cháu Tân sinh sống ở tài sản này còn con gái lấy chồng và con trai lấy vợ đã tách hộ ở địa chỉ khác.

Về khoản tiền vợ ông T khai nhận vay của Công ty TNHH KT khoảng hơn 10 tỷ theo lời khai ngày 25/11/2014 là không đúng vì vợ ông không nắm được việc giải ngân và giao dịch với Ngân hàng. Ông T không là thành viên của Công ty KM .

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH KT trả nợ thì Công ty TNHH KT phải có trách nhiệm trả nợ, nếu Công ty TNHH KT không trả được nợ mà yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông thì gia đình ông không đồng ý. Ông T không bổ sung thêm gì.

+ Đại diện Công ty dịch vụ MB khu vực 1 thừa nhận Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh NTL đã ký bảo lãnh cho Công ty TNHH KT khi Công ty Khai Minh ký hợp đồng đại lý với Trung tâm thông tin di động khu vực 1 để làm đại lý thẻ cào. Khi Công ty TNHH KT không thanh toán trả tiền cho Trung tâm thông tin di động, Ngân hàng TMCP CT đã thanh toán trả tiền cho Trung tâm

thông tin di động khu vực 1 toàn bộ số tiền Công ty TNHH KT nợ Trung tâm thông tin di động là 25.995.060.000 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty KM, Công ty dịch vụ MB khu vực 1 xác nhận sự việc trên. Do Công ty không liên quan gì nên Công ty xin vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Thanh T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T và người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị Oanh, chị H, anh Kỳ A, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Tại bản khai ngày 18/11/2014 (sơ thẩm lần 1) anh T trình bày: Năm 2012 do có quen biết với thành viên trong hội đồng thành viên của Công ty TNHH KT nên anh T đã dùng tài sản của mình là căn hộ tại số 41+43 HB, HK, Hà Nội thế chấp tại Ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH KT để đảm bảo cho việc bảo lãnh thanh toán các hợp đồng kinh tế của Công ty TNHH KT tại Ngân hàng TMCP CT Việt Nam, chi nhánh NTL. Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH KT yêu cầu trả nợ, anh T cũng muốn thương lượng với bên Ngân hàng. Đề nghị giải quyết vụ việc theo đúng pháp luật

+ Bà O trình bày tại bản khai ngày 22/5/2015 (sơ thẩm lần 1): Vợ chồng bà có nhu cầu vay vốn nên khi có người giới thiệu vào Công ty TNHH KT để vay vốn. Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2013 vợ chồng bà rút sổ đỏ từ Ngân hàng Ngoại thương sang Ngân hàng CT, chi nhánh NTL làm thủ tục công chứng, bảo lãnh cho Công ty KM. Sau khi sang Ngân hàng làm thủ tục, Công ty TNHH KT chuyển cho vợ chồng bà rải rác làm nhiều lần, tổng số tiền Công ty TNHH KT đưa cho vợ chồng bà khoảng hơn 10.000.000.000 (hơn mười tỷ đồng). Từ khi vay tiền của Công ty TNHH KT đến nay chúng tôi chưa thanh toán trả được đồng nào. Tháng 12/2013 Ngân hàng thông báo nếu không giải quyết được số tiền Công ty nợ thì phải bán nhà. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH KT thanh toán trả nợ thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ, gia đình bà chỉ chịu trách nhiệm đối với khoản vay của gia đình. Nếu Công ty không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bà O không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH KT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc cũng không thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

Ngày 16/6/2017 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP CT có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp.

Ngày 4/7/2017 Hội đồng thẩm định tài sản đã tiến hành thẩm định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích 96m² tại tổ 30, cụm 4, phường TL, quận TH, Hà Nội xác định nhà đất trên do ông T, bà O, anh Tân, chị Phương, anh Ngọc quản lý; tài sản trên vẫn giữ nguyên hiện trạng như thời điểm thế chấp; từ năm 2013 đến nay gia đình ông T, bà O không sửa chữa, xây dựng gì thêm. Hiện gia đình không cho ai thuê, mượn cả.

Ngày 4/7/2017 hội đồng thẩm định tài sản tiến hành thẩm định ba tài sản tại các số 41,43,45 phố HB, phường HB, HK, Hà Nội xác định nhà đất của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T; nhà đất của bà Đỗ Thanh L; nhà đất của ông Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thanh H đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Hiện trạng nhà của các ông bà trên không có thay đổi gì về xây dựng và không có tranh chấp, khiếu kiện gì; Hiện cả ba nhà đất trên do anh Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2015/KDTM ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân quận HĐ đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT buộC Công ty TNHH KT thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo 04 hợp đồng bảo lãnh đã ký và các giấy nhận nợ bắt buộc số 01 ngày 01/11/2013; số 02 11/11/2013; số 03 ngày 29/11/2013 với tổng số tiền là 31.568.405.488 đồng trong đó: tiền nợ gốc là 24.699.060.000 đồng; lãi trong hạn 5.031.469.644 đồng; lãi quá hạn: 1.837.875.844 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH KT không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng TMCP CT thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại 04 tài sản đã thế chấp nêu trên tại ngân để thu hồi nợ theo quy định pháp luật

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O kháng cáo.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 25/KDTM-PT ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử: Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2015/KDTM-ST của tòa án nhân dân quận HĐ.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Tạm tính đến ngày 11/7/2018, Công ty TNHH KT còn nợ Ngân hàng TMCP CT tổng số tiền là 35.373.597.266 đồng, trong đó nợ gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng; lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng và số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng giải chấp là 1.402.251.287 đồng.

Ngân hàng xin rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đối với ba tài sản tại các số 41, số 43, số 45 phố HB , phường HB , HK , Hà Nội do gia đình anh Nguyễn Thanh T đã nộp được số tiền gốc là 6.427.600.000 đồng và số tiền lãi đã nộp là 672.400.000 đồng . Ngân hàng đã xuất trả 03(ba) tài sản đảm bảo cho khoản dư nợ tại Ngân hàng cho gia đình anh T theo đúng quy định của pháp luật.

Ông T - người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của bà O , anh Tân, chị Phương, anh Ngọc cho rằng: nhà đất tại 60 XD , TH là tài sản của vợ chồng ông. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đề nghị Công ty TNHH KT thu xếp trả nợ cho Ngân hàng , ông không đồng ý xử lý tài sản thế chấp vì việc thế chấp tài sản không đúng trình tự qui định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ đã xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT buộc Công ty TNHH KT thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký và các giấy nhận nợ bắt buộc số 01 ngày 1/11/2013; số 02/11/11/2013; số 03 ngày 29/11/2013 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2018 là 35.373.597.266 đồng, trong đó: Nợ gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng; lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng và số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng giải chấp là 1.402.251. 287 đồng .

Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm :

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 45 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC741887 do UBND quận HK cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thạch ngày 25/1/2011

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 45 phố HB, phường HB, quận HK, Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 223412 do UBND quận HK cấp cho bà Đỗ Thanh L ngày 25/1/2011.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 41+43 phố HB, phường HB, quận HK, Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 693577 do UBND quận HK cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thanh H ngày 14/4/2011.

3. Trường hợp Công ty TNHH KT không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng TMCP CT thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp tại Ngân hàng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1160301 do UBND quận TH cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O ngày 16/8/2012 theo hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC kí ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 129 ngày 27/2/2013.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì Công ty TNHH KT có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP CT cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền Công ty TNHH KT còn nợ Ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2018 ông Hoàng Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12 ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ với lý do: Toàn bộ hồ sơ liên quan đến tài sản thế chấp của gia đình ông được lập bất hợp pháp.

Tại cấp phúc thẩm:

+ Ông Hoàng Văn T: Vẫn giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo và trình bày: Toàn bộ hồ sơ liên quan đến tài sản thế chấp của gia đình ông được lập bất hợp pháp bởi ông cho rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 1393001/HĐTC của Văn phòng Công chứng là hành vi cấu kết, lừa đảo; gia đình ông không có bất kỳ giao dịch, làm việc nào với Ngân hàng TMCP CT chi nhánh NTL với Văn phòng Công chứng Toàn Tâm và Công ty TNHH KT về việc thế chấp tài sản là nhà đất của gia đình ông. Lời chứng của công chứng viên ngày 25/02/2013 là lừa bịp,

không có thực, cố tình làm trái để hợp pháp hóa hồ sơ thế chấp. Giao dịch bảo đảm tại quận TH là trái quy định. Ngân hàng nhận và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là không hợp pháp bởi gia đình ông không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nên không hiểu Ngân hàng nhận từ đâu.

Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

+ *Đại diện Ngân hàng TMCP CT* giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời khai, chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm và trình bày: Xác nhận Ngày 08/2/2013 và ngày 02/3/2013 Ngân hàng TMCP CT Việt Nam, chi nhánh NTL và Công ty TNHH KT ký 4 hợp đồng cấp bảo lãnh các số (số 13.093.0001/HĐBL, số 13.093.0002/HĐBL, số 13.093.0003/HĐBL, số 13.093.0004/HĐBL) với nội dung: Ngân hàng TMCP CT Việt Nam bảo lãnh thanh toán cho các đơn đặt hàng của Công ty TNHH KT theo hợp đồng đại lý chiết khấu thương mại số 602/HĐ ĐL-VMS1/2013 ký ngày 02/3/2013 giữa Trung tâm thông tin khu vực 1- Công ty thông tin di động và Công ty TNHH KT ; tổng số thư bảo lãnh là 13 thư; tổng trị giá là 26.000.000.000 đồng, phí bảo lãnh là 2% / năm, phí bảo lãnh thanh toán 1 lần vào thời điểm phát hành bảo lãnh.

Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH KT là 04 tài sản nhà đất như đã trình bày ở trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH KT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã đứng ra thanh toán trực tiếp cho Trung tâm thông tin di động khu vực I số tiền mà Công ty TNHH KT còn nợ là 25.995.060.000 đồng. Tháng 11/2013 Công ty đã ký giấy nhận nợ với Ngân hàng nhận toàn bộ số tiền nợ trên, thời hạn thanh toán là 01/3/2014, lãi suất vay là 15%/năm.

Quá trình thu hồi nợ, đối với các tài sản thế chấp là 03 khối tài sản nhà đất của gia đình ông Nguyễn Thanh T , Ngân hàng và các bên đã thống nhất để gia đình nhà ông Tú tự bán tài sản trên để trả nợ Ngân hàng. Đến ngày 01/6/2018, gia đình ông Nguyễn Thanh T đã nộp trả Ngân hàng tổng số tiền 7.100.000.000 đồng, trong đó 6.427.600.000 đồng tiền nợ gốc và 672.000.000 đồng tiền nợ lãi. Xét thấy gia đình ông Tú đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh nên Ngân hàng đã xuất trả tài sản cho chủ sở hữu là theo đúng quy định pháp luật.

Nay Ngân hàng không có ý kiến gì đối với 03 tài sản trên của gia đình ông Nguyễn Thanh T . Đề nghị Công ty TNHH KT trả hết số nợ tính đến ngày 30/01/2019 cho Ngân hàng là 37.020.001.416 đồng, trong đó: nợ gốc là

19.369.460.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.994.800.262 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.655.741.154 đồng và toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 30/01/2019. Nếu Công ty TNHH KT không trả đầy đủ các khoản nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của gia đình ông Hoàng Văn T cho khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH KT để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tổ tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về nội dung kháng nghị và kháng cáo:

Việc ký Hợp đồng thế chấp 371/2013/TC ngày 25/02/2013 được ký giữa bên thế chấp là ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Kim O; bên vay vốn là Công ty TNHH đầu tư và phát triển Khải Minh; Bên nhận thế chấp là Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh NTL. Ông T, bà O và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh NTL có đơn yêu cầu Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà TH. Như vậy việc thực hiện thế chấp nhà đất tại địa chỉ 60 đường XD, tổ 30, cụm 4, phường TL, quận TH, Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, buộc các bên phải thi hành. Nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của ông T,

Đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của ông T, Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn T được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ đại diện nguyên đơn, ông Hoàng Văn T có mặt; đại diện Công ty dịch vụ MB; bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ còn lại trong vụ án vắng mặt

nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

* Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn từ 04 hợp đồng cấp bảo lãnh các số: 13.093.0001/HĐBL, số 13.093.0002/HĐBL, số 13.093.0003/HĐBL, số 13.093.0004/HĐBL và các giấy nhận nợ số 01,02,03 ngày 01,11,29/11/2013 nên được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng bảo lãnh ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

* Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại số 9 ngõ 4 QT, phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận HĐ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đại diện Ngân hàng TMCP CT và đại diện Công ty TNHH KT đều thừa nhận: Ngân hàng CT, chi nhánh NTL và Công ty TNHH KT ký bốn hợp đồng cấp bảo lãnh với nội dung: Ngân Công thương bảo lãnh thanh toán cho các đơn đặt hàng theo hợp đồng đại lý dưới hình thức chiết khấu thương mại số 602/HĐ ĐL-VMS1/2013 ký ngày 02/2/2013 giữa Trung tâm thông tin di động khu vực 1- Công ty thông tin di động và Công ty KM; tổng số thư bảo lãnh là 13 thư với tổng trị giá 26.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh trên là 04 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như Ngân hàng TMCP CT Việt Nam trình bày.

Sau khi các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh, Công ty TNHH KT không thanh toán trả tiền hàng cho Trung tâm di động khu vực 1 nên Ngân hàng TMCP CT đã phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ của Công ty TNHH KT với tổng số tiền 25.995.060.000 đồng mà Công ty TNHH KT đã nợ. Tại các giấy nhận nợ số 01,02,03 ngày 01,11,29/11/2013 Công ty TNHH KT đã cam kết nhận nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền là 25.995.060.000 đồng và đồng ý chịu lãi suất là 15%/năm đối với số tiền nợ Ngân hàng, hạn đến ngày 01/3/2014 thanh toán trả Ngân hàng.

Tuy nhiên Công ty TNHH KT vẫn không thực hiện đúng cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH KT trả nợ, yêu cầu các chủ tài sản thế chấp

bàn giao tài sản bảo đảm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty và các chủ tài sản đều không thực hiện.

Ngân hàng TMCP CT yêu cầu, tạm tính đến ngày 11/7/2018, Công ty TNHH KT còn nợ Ngân hàng TMCP CT tổng số tiền là 35.373.597.266 đồng, trong đó gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng ; Lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng và số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng giải chấp là 1.402.251. 287 đồng.

Đối chiếu các thỏa thuận ghi trong hợp đồng, giấy nhận nợ giữa hai bên, bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ, thấy mức lãi suất trong hợp đồng kí kết giữa các bên phù hợp với quy định của luật các tổ chức tín dụng, qui định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và qui định của Bộ luật dân sự về lãi suất nên có cơ sở chấp nhận.

Xét việc Ngân hàng yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH KT thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh và các giấy nhận nợ là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT Việt Nam là có căn cứ.

Tính đến ngày 01/6/2018 gia đình anh Nguyễn Thanh T đã nộp được số tiền gốc là 6.427.600.000 đồng và số tiền lãi là 672.400.000 đồng. Khoản tiền trả nợ gốc của gia đình anh T được giới hạn bảo lãnh của 3 tài sản đảm bảo cụ thể: $6.427.600.000 \text{ đồng} / 25.995.060.000 \text{ đồng} = 24,32\%$. Phù hợp với việc phân chia theo tỷ lệ của từng tài sản đảm bảo ban đầu, do vậy Ngân hàng đã xuất trả 03(ba) tài sản đảm bảo cho gia đình anh T theo đúng quy định của pháp luật và Ngân hàng đã rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đối với ba tài sản tại các số 41,43,45 phố HB , phường HB , HK , Hà Nội là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo của gia đình ông T , bà O , Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông T thừa nhận chữ ký và dấu vân tay ở hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC ký ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm là đúng của vợ chồng con cái ông nhưng cho rằng việc ký kết khi gia đình ông không minh mẫn do ông say rượu nhưng không có tài liệu chứng minh ông và gia đình ông bị lừa dối. Về việc Ông T cho rằng hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông và Ngân hàng ký ngày 22/3/2013 khi sổ đỏ của ông bà vẫn đang ở Ngân hàng Ngoại thương. Tuy nhiên, ngày 25/2/2013 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã xóa đăng ký thế chấp tài sản trên. Cùng ngày

25/3/2013 các bên mới tiến hành xác lập hợp đồng thế chấp tại văn phòng công chứng Toàn Tâm trước sự chứng kiến của công chứng viên. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 4; điều 38 Luật công chứng năm 2006 xác định ngày ký hợp đồng thế chấp giữa các bên là ngày 25/2/2013. Ngày 27/2/2013 nhà đất trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Như vậy có đủ căn cứ pháp lý khẳng định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất giữa ông Hoàng Văn T , bà Nguyễn Thị Kim O và Ngân hàng TMCP CT Việt Nam, chi nhánh NTL được ký kết đúng trình tự, thủ tục theo quy định của luật công chứng nên được công nhận tính hợp pháp và có giá trị bắt buộc phải thi hành. Việc ký kết hợp đồng thế chấp là thảo thuận tự nguyện của hai bên nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng ông T theo quy định pháp luật.

Việc ông T , bà O đảm bảo cho khoản tiền được cấp bảo lãnh là 20.000.000.000 đồng bằng tài sản nhà đất của mình theo hợp đồng thế chấp nên trường hợp Công ty TNHH KT không có khả năng thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng ; lãi quá hạn 4.502.624.677, tổng cộng là 33.971.345.979 đồng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O theo hợp đồng thế chấp số 371/2013/TC kí ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 129 ngày 27/2/2013) để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng đã giải chấp là 1.402.251. 287 đồng, Công ty TNHH KT phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP CT .

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về phần tạm ứng án phí phúc thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại, số tiền người kháng cáo phải nộp là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng là chưa đúng quy định cần rút kinh nghiệm.

Do kháng cáo của ông Hoàng Văn T không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cơ §iÒu 305; §iÒu 342; §iÒu 351; §iÒu 355; §iÒu 367; §iÒu 474; §iÒu 476 Bộ luÛt d©n sù nă"m 2005;

Căn cứ Luật công chứng năm 2006.

Căn cơ NghĐ    nh s  163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Ch  nh ph   v   giao d  ch    m b  o.

Căn cứ nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163.

Căn cơ NghĐ    nh s  83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Ch  nh ph   v   giao d  ch    m b  o.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Tòa án.

Gi  r nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận H  Đ , Thành phố Hà Nội.

X  :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT    i v  i Công ty TNHH KT

2. Bu  c Công ty TNHH KT phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP CT tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2018 là 35.373.597.266 đồng, trong đó gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng ; lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng và số tiền lãi của các tài sản thế chấp mà Ngân hàng giải chấp là 1.402.251. 287 đồng .

Công ty TNHH KT tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm :

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 45 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC741887 do UBND quận HK cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thạch ngày 25/1/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0025/HĐTC kí ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 10 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 45 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 223412 do UBND quận HK cấp cho bà Đỗ Thanh L ngày 25/1/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0026/HĐTC kí ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 12 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450+448+449/F1, tờ bản đồ số B2 lập 1956 tại số 41+43 phố HB , phường HB , quận HK , Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 693577 do UBND quận HK cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thanh H ngày 14/4/2011 theo hợp đồng thế chấp số 12.93.0024/HĐTC kí ngày 05/11/2012 tại Ngân hàng TMCP CT , chi nhánh NTL được chứng nhận bởi Văn phòng công chứng A1- thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 11 quyền số 10/2 ngày 5/11/2012.

3. Trường hợp Công ty TNHH KT không thanh toán được số nợ gốc 19.369.460.000 đồng; lãi trong hạn 10.099.261.302 đồng; lãi quá hạn 4.502.624.677 đồng cho Ngân hàng TMCP Cộng thương Việt Nam thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo lãnh là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1160301 do UBND quận TH cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O ngày 16/8/2012 theo hợp

đồng thể chấp số 371/2013/TC kí ngày 25/2/2013 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 129 ngày 27/2/2013.

4. Về án phí: Công ty TNHH KT phải nộp 143.373.597 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Hoàng Văn T phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tại biên lai số AB/2015/0001687 ngày 30/7/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội được trừ vào tiền án phí phúc thẩm.

Trả lại Ngân TMCP công thương Việt Nam tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 67.000.000 đồng (đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001832 ngày 03/11/2014 tại chi cục thi hành án dân sự quận HĐ , thành phố Hà Nội).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Toà án nhân dân quận HĐ
- Chi cục THADS quận HĐ ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Bình

